

Số: 25/NQ-HĐND

Trà Cú, ngày 15 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn**  
**05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ**  
**KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*  
*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*  
*Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2);*  
*Trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú về việc thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú;*  
*Xét Tờ trình số 312a/TTr-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Trà Cú (đợt 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2), với nội dung cụ thể như sau:

Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2): **121.775.500.000 đồng** (*Một trăm hai mươi một tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng*), trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 82.107.000.000 đồng.

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương phân cấp huyện quản lý: Dự án Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã: 2.476.000.000 đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 900.000.000 đồng.

- Nguồn vốn vượt thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022: 36.292.500.000 đồng, bao gồm:

+ Đầu tư công trình mới và tất toán dự án hoàn thành: 28.395.000.000 đồng.

+ Đối ứng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 7.897.500.000 đồng (*Bố trí vốn ngân sách huyện theo tỷ lệ tối thiểu 15% kế hoạch vốn ngân sách Trung ương được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 7/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh*).

(Kèm theo phụ lục chi tiết)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai tổ chức thực hiện; Ban Kinh tế - Xã hội và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XII giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú khóa XII - Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HU, UBND, UBMTTQ huyện;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT;
- TT, các Ban của HĐND huyện;
- ĐB HĐND huyện khóa XII;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- Kho bạc Nhà nước Trà Cú;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH** *Ph.*

**Dương Văn Triệu**

**Phụ lục**  
**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (Đợt 2)**  
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/11/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Trà Cú)

Đơn: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW+NS ĐP					
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>TỔNG SỐ</b>												
A	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					237.803,5	237.803,5	-	121.775,5	82.107	39.668,5	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					99.900	99.900	-	82.107	82.107	-	
	Xây dựng Trạm cấp nước trên địa bàn huyện	Huyện Trà Cú		2023-2024		14.000	14.000	-	11.000	11.000	-	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Tiêu đề án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)					27.869	27.869	-	22.552	22.552	-	
1	Đường giao thông phục vụ khu quy hoạch trồng được liệu quý trên địa bàn huyện Trà Cú năm 2023	Huyện Trà Cú	Công trình giao thông, cấp B	2023-2024		9.832	9.832		8.286	8.286		
2	Đường giao thông phục vụ khu quy hoạch trồng được liệu quý trên địa bàn huyện Trà Cú năm 2024	Huyện Trà Cú	Công trình giao thông, cấp B	2023-2024		6.000	6.000		5.172	5.172		
3	Hệ thống điện phục vụ khu quy hoạch trồng được liệu trên địa bàn huyện Trà Cú	Huyện Trà Cú	Công trình công nghiệp, cấp IV	2023-2025		4.882	4.882		3.012	3.012		
4	Đường giao thông phục vụ khu quy hoạch trồng được liệu quý trên địa bàn huyện Trà Cú năm 2025	Huyện Trà Cú	Công trình giao thông, cấp B	2023-2025		7.155	7.155		6.082	6.082		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bỏ trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSTW+NS ĐP		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
	<b>Năm 2022</b>					<b>4.600</b>	<b>4.600</b>		<b>4.082</b>	<b>4.082</b>			
5	Đường Nhựa nhà bà Sa Ven, ấp Trà Tro A, xã Hàm Giang (giai đoạn 1)	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 450m; mặt đường 3,5m	2022-2024		1.150	1.150		1.063	1.063			
6	Đường Đan Giồng Cục- Kinh N9, ấp Xoài Xiêm, xã Ngãi Xuyên (giai đoạn 1)	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 850m; mặt đường 2,5m	2022-2024		1.150	1.150		978	978			
7	Đường nhựa từ cầu LRamp đến chòi cá Thầy Tha, ấp Trà Tro A, xã Hàm Giang (giai đoạn 1)	xã Hàm Giang	Đường nhựa dài 450m; mặt đường 3,5m	2022-2024		1.150	1.150		1.063	1.063			
8	Đường giao thông nông thôn ấp Xóm Chòi - Ô, xã Ngãi Xuyên (giai đoạn 1)	xã Ngãi Xuyên	Đường đan dài 850m; mặt đường 2,5m	2022-2024		1.150	1.150		978	978			
	<b>Năm 2023</b>					<b>4.110</b>	<b>4.110</b>		<b>3.159</b>	<b>3.159</b>			
9	Đường Nhựa nhà bà Sa Ven, ấp Trà Tro A, xã Hàm Giang; Đường Đan Giồng Cục- Kinh N9, ấp Xoài Xiêm, xã Ngãi Xuyên (đoạn còn lại)	xã Hàm Giang, Ngãi Xuyên	Đường nhựa dài 1.000m; mặt đường 3,5m; Đường đan dài 850m; mặt đường 2,5m	2022-2024		2.540	2.540		1.959	1.959			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW+NSĐP				Ngân sách TW		Ngân sách địa phương
10	Đường nội đồng Trà Cú C2 (đoạn 2); Đường đan nội đồng ấp Sóc Tro Dưới (nhà Thạch Sách đến kênh Ngọc Biên) đoạn nối tiếp; Đường ngõ xóm từ kênh 3 Thành đến Kênh 5, ấp Ba Trạch B (nối tiếp)	xã Kim Sơn, An Quảng Hữu, Tân Hiệp	Đường đan dài 1.250m; mặt đường 2,5m	2022-2024	1.570	1.570	1.570	1.200	1.200	1.200			
					4.110	4.110	4.110	3.159	3.159				
11	Đường nhựa từ cầu LRamp đến chòi cá Thầy Tha, ấp Trà Tro A, xã Hàm Giang; Đường giao thông nông thôn ấp Xóm Chồi - Ô, xã Ngải Xuyên (đoạn còn lại)	xã Hàm Giang, Ngải Xuyên	Đường nhựa dài 1.000m; mặt đường 3,5m; Đường đan dài 850m; mặt đường 2,5m	2023-2024	2.540	2.540	2.540	1.959	1.959	1.959			
					6.440	6.440	6.440	5.200	5.200				
12	Đường nội đồng Trà Cú C2 (đoạn 3); Đường đan nội đồng ấp Sóc Tro Dưới (nhà Thạch Sách đến kênh Ngọc Biên) đoạn nối tiếp; Đường ngõ xóm từ Hương lộ 18 đến nhà Có Hà, ấp Ba Trạch B	xã Kim Sơn, An Quảng Hữu, Tân Hiệp	Đường đan dài 1.350m; mặt đường 2,5m	2023-2024	1.570	1.570	1.570	1.200	1.200	1.200			
					6.440	6.440	6.440	5.200	5.200				
13	Đường nhựa từ cầu Nhuệ Tứ B (Cầu Chẹt- kinh cấp II Đôn Xuân), xã Hàm Giang; Đường giao thông nông thôn ấp Giồng Tranh, xã Ngải Xuyên	xã Hàm Giang, Ngải Xuyên	Đường nhựa dài 1.700m; mặt đường 3,5m	2024-2025	4.840	4.840	4.840	4.000	4.000	4.000			
					38.771	38.771	38.771	32.955	32.955				
14	Đường nội đồng Trà Cú C2 (đoạn 4); Đường đan nội đồng ấp Sóc Tro Dưới - kênh Ngọc Biên (từ nhà Ông Thạch Soi- kênh Ngọc Biên); Đường GTNT từ nhà bà Thạch Thị Ma La lộ 18 đến kênh 6, ấp Ba Trạch B	xã Kim Sơn, An Quảng Hữu, Tân Hiệp	Đường đan dài 1.300m; mặt đường 2,5m	2024-2025	1.600	1.600	1.600	1.200	1.200	1.200			
					4.600	4.600	4.600	4.080	4.080				
15	Sửa chữa đường nhựa vào trung tâm xã Hàm Giang (giai đoạn 1)	xã Hàm Giang	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.400m	2022-2024	1.150	1.150	1.150	1.020	1.020	1.020			
					38.771	38.771	38.771	32.955	32.955				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSTW+NS DP		Tổng số	Trong đó		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	
16	Sửa chữa đường nhựa liên xã Đại An (đường trung tâm xã Đại An - Định An) giai đoạn 1	xã Đại An, Định An	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 3.100m	2022-2024		1.150	1.150	1.020	1.020				
17	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên xã Ngãi Xuyên (ấp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên - ấp Mộc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh) giai đoạn 1	xã Ngãi Xuyên, Lưu Nghiệp Anh	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.100m	2022-2024		1.150	1.150	1.020	1.020				
18	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên xã Thanh Sơn (ấp Trà Les, xã Thanh Sơn - ấp Trà Tro, xã Hàm Giang) giai đoạn 1	xã Thanh Sơn, Hàm Giang	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.400m	2022-2024		1.150	1.150	1.020	1.020				
	<b>Năm 2023</b>					<b>34.171</b>	<b>34.171</b>	<b>28.875</b>	<b>28.875</b>				
19	Đường liên xã Phước Hưng (ấp Bến Chùa, xã Phước Hưng-ấp Vàm Buôn, xã Ngãi Xuyên) nối tiếp	xã Phước Hưng	02 cầu BTCT; Đường nhựa dài 400m, mặt đường 3,5m	2022-2024		3.900	3.900	3.315	3.315				
20	Đường liên xã Ngọc Biên (Đường huyện 12 - Cầu Trung ương Đoàn, huyện Duyên Hải) nối tiếp	xã Ngọc Biên	Đường nhựa dài 1.150m, mặt đường 3,5m	2022-2024		6.400	6.400	5.440	5.440				
21	Sửa chữa đường nhựa vào trung tâm xã Hàm Giang (đoạn còn lại)	xã Hàm Giang	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 3.000m	2022-2024		3.650	3.650	3.060	3.060				
22	Sửa chữa đường nhựa liên xã Đại An (đường trung tâm xã Đại An - Định An) đoạn còn lại	xã Đại An, Định An	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 4.500m	2022-2024		5.450	5.450	4.590	4.590				
23	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên xã Ngãi Xuyên (ấp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên - ấp Mộc Anh, xã Lưu Nghiệp Anh) đoạn còn lại	xã Ngãi Xuyên, Lưu Nghiệp Anh	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 2.200m	2023-2025		2.690	2.690	2.244	2.244				
24	Nâng cấp, mở rộng đường nhựa liên xã Thanh Sơn (ấp Trà Les, xã Thanh Sơn - ấp Trà Tro, xã Hàm Giang) đoạn còn lại	xã Thanh Sơn, Hàm Giang	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 4.800m	2023-2025		5.810	5.810	4.896	4.896				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó	Ngân sách TW	
25	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Tập Sơn (ấp Trà Mềm, xã Tập Sơn - ấp Ô Rung, xã Phước Hưng)	xã Tập Sơn, Phước Hưng	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 3.500m	2023-2025	4.200	4.200	4.200	3.570	3.570			
26	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hiệp (ấp Giồng Chanh, xã Long Hiệp - xã Ngọc Biên)	xã Long Hiệp	Nâng cấp, mở rộng mặt đường; chiều dài tuyến 1.100m	2023-2025	2.071	2.071	2.071	1.760	1.760			
<b>B</b>	<b>Nguồn thu tiền sử dụng đất</b>				<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>900</b>	<b>900</b>	<b>-</b>	<b>900</b>	
27	Đường dân khóm 5, thị trấn Định An	thị trấn Định An	Công trình giao thông cấp C	2023-2024	1.000	1.000	1.000	900	900			
<b>C</b>	<b>Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất</b>				<b>133.903</b>	<b>133.903</b>	<b>133.903</b>	<b>36.292,5</b>	<b>36.292,5</b>	<b>-</b>	<b>36.292,5</b>	
28	Cải tạo, nâng cấp trụ sở các cơ quan, ban ngành huyện	huyện Trà Cú	Công trình dân dụng	2023-2024	1.100	1.100	1.100	1.000	1.000			
29	Nhà Văn hóa ấp Bà Tây A, Bà Tây B, xã Tập Sơn	xã Tập Sơn	Công trình dân dụng, cấp III	2023-2024	3.700	3.700	3.700	3.500	3.500			
30	Đường nhựa ấp Xóm Chòi (Chùa Phước Long An), xã Ngãi Xuyên	xã Ngãi Xuyên	Công trình giao thông cấp B	2023-2024	1.650	1.650	1.650	1.550	1.550			
31	Trường Tiểu học thị trấn Trà Cú A, Hạng mục: Vĩa hè - Sân đường	Thị trấn Trà Cú	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2023-2024	650	650	650	500	500			
32	Đường đan ấp Bến Tranh (tuyến từ đường 915 đến nhà Ba Giáp), xã Định An (đoạn nối tiếp)	xã Định An	Công trình giao thông cấp C	2023-2024	450	450	450	400	400			
33	Sửa chữa và láng nhựa chống thấm các tuyến đường GTNT trên địa bàn huyện Trà Cú	huyện Trà Cú	Nâng cấp tuyến đường đan, sửa chữa các tuyến đường đan, láng nhựa chống thấm các tuyến đường GTNT trên địa bàn huyện	2023-2024	3.300	3.300	3.300	3.000	3.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/6/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSTW+NS DP		Tổng số	Trong đó			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Ngân sách TW	Ngân sách địa phương		
34	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà làm việc Ban Quản lý và Nhà vệ sinh công cộng chợ Tập Sơn	xã Tập Sơn	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	2022-2023		445	445		445			445		
35	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Trà Cú	thị trấn Trà Cú	Bồi thường, giải phóng mặt bằng	2022-2025	QĐ số 2670/QĐ-UBND	114.711	114.711		15.000			15.000		
36	Tất toán các dự án hoàn thành								3.000			3.000		(Bố trí vốn ngân sách huyện theo tỷ lệ tối thiểu 15% kế hoạch vốn ngân sách Trung ương được quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 7/7/2022 của HĐND tỉnh).
37	Đổi ứng vốn Ngân sách Trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					7.897,5	7.897,5		7.897,5			7.897,5		
D	<b>Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương phân cấp huyện quản lý: Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã</b>					3.000	3.000		-			2.476		2.476
38	Hợp tác xã Nông nghiệp Long Hiệp	xã Long Hiệp	Công trình dân dụng, công nghiệp cấp III	2022-2023		3.000	3000		2.476			2.476		